

Phụ lục 1

NGUYÊN TẮC VÀ KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI BIỂU THUẾ VN-EAEU FTA TỪ AHTN 2017 – AHTN 2022

(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số .../TTr-BTC ngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ Tài chính)

I. Nguyên tắc chuyển đổi

1.1. Căn cứ pháp lý và cơ sở chuyển đổi kỹ thuật

Việc chuyển đổi biểu cam kết được thực hiện trên cơ sở sau:

- Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2022 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2022;
- Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 28/12/2016 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2017;
- Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Bảng tương quan 2 chiều AHTN 2022 và AHTN 2017 đã được các nước ASEAN thống nhất;
- Dự thảo Thông tư ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

1.2. Nguyên tắc chuyển đổi biểu cam kết

Để đảm bảo việc chuyển đổi không làm xói mòn cam kết của Hiệp định, đồng thời do Hiệp định UKVFTA không có quy định cụ thể về việc chuyển đổi các cam kết thuế quan giữa các phiên bản AHTN, trên cơ sở tài liệu hướng dẫn chuyển đổi của WTO, Bộ Tài chính đã áp dụng nguyên tắc như sau:

Trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo AHTN 2022 được ban hành theo Thông tư số .../.../TT-BTC ngày .../.../2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Bộ Tài chính đã tiến hành thực hiện chuyển đổi Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Danh mục AHTN 2022 dựa trên các nguyên tắc lựa chọn thuế suất theo Hướng dẫn chuyển đổi biểu thuế trong WTO. Cụ thể:

(i) Trường hợp dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được giữ nguyên hoặc tách dòng so với AHTN 2017: Áp dụng nguyên tắc lấy cam kết thuế quan theo dòng hàng AHTN 2017 để đảm bảo sự ổn định, không tạo ra biến động về thuế suất.

(ii) Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau: Áp dụng nguyên tắc nhập dòng và lấy cam kết chung của các dòng hàng AHTN 2017.

(iii) *Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau:*

+ Tiến hành tách dòng (thêm mã 10 số trên cơ sở mã 8 số của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam) để vừa tuân thủ cam kết và không đẩy nhanh lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam;

+ Trường hợp khác biệt thuế nhưng không có kim ngạch, không có tác động giảm thu NSNN (hoặc tác động không lớn) thì xem xét nhập dòng và áp dụng mức cam kết ưu đãi nhất để đơn giản biểu thuế.

+ Trường hợp không thể tách được do không khả thi về mặt kỹ thuật/phân loại thì nhập dòng và áp dụng mức cam kết ưu đãi nhất.

2. Kết quả chuyển đổi cam kết thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt tại Hiệp định VN-EAEU FTAt theo AHTN 2022

Theo tương quan thống nhất trong ASEAN, Danh mục hàng hóa theo AHTN 2022 có 11.414 dòng thuế ở cấp độ 8 số. Sau khi chuyển đổi từ AHTN 2017 sang AHTN 2022, biểu thuế đính kèm Nghị định VN-EAEU FTA sẽ có 11.414 dòng thuế ở cấp độ 8 số và 92 dòng hàng theo AHTN 2022 cấp độ 10 số (tổng số là 11.465 dòng hàng có thuế), là kết quả từ quá trình chuyển đổi theo 03 trường hợp dưới đây:

2.1 Trường hợp 1 (Giữ nguyên dòng hàng hoặc tách dòng)

Trong số 11.414 dòng thuế theo Danh mục AHTN 2022, có 11.004 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được giữ nguyên hoặc tách dòng so với AHTN 2017. *Theo đó, Bộ Tài chính áp dụng nguyên tắc 1: giữ nguyên mức cam kết của các mã hàng mới AHTN 2022 như mức cam kết của mã hàng của AHTN 2017.*

2.2 Trường hợp 2 (Gộp các dòng thuế có cam kết theo AHTN 2017 giống nhau)

Trong số 11.414 dòng thuế theo Danh mục AHTN 2022, có 322 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau. *Theo đó, Bộ Tài chính áp dụng nguyên tắc 2 là lấy cam kết chung của các dòng hàng AHTN 2017. Trường hợp này không làm thay đổi cam kết thuế.*

2.3 Trường hợp 3 (Gộp các dòng thuế có cam kết theo AHTN 2017 khác nhau)

Trong số 11.414 dòng thuế theo Danh mục AHTN 2022, có 88 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau (bao gồm các trường hợp khác nhau về thuế suất cơ sở/lộ trình cắt giảm/thuế suất năm 2022). Theo đó, (i) có 41 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được tách thành các dòng 10 số để không làm theo đổi cam kết theo Hiệp định; (ii) có 34 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp dòng lấy thuế suất thấp nhất để không vi phạm nguyên tắc làm xói mòn cam kết và đồng thời do các lý do khác như thuế suất MFN/ thuế suất ưu

đãi đặc biệt năm 2022 theo cam kết của các dòng AHTN 2017 đã về 0%, yêu cầu về phân loại...; (iii) có 13 dòng thuế lấy thuế suất tương quan với các dòng AHTN 2017 ở cấp độ 8 số/10 số tương ứng do tương đồng về mô tả mặt hàng.

II. Kết quả chuyển đổi

Đối với các trường hợp gộp dòng khác thuế suất và các dòng có AHTN 2017 là HS 10 số, các mã hàng mới thuộc nhóm 2404, phương án chuyển đổi cụ thể như sau:

Chương 3

1. Mã hàng 0303.25.00 (AHTN 2022) có mô tả Cá chép (Cyprinus spp., Carassius spp., Ctenopharyngodon idellus, Hypophthalmichthys spp., Cirrhinus spp., Mylopharyngodon piceus, Catla catla, Labeo spp., Osteochilus hasselti, Leptobarbus hoeveni, Megalobrama spp.) Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017, theo đó tại VN-EAEU FTA, mã hàng này được tách thành 2 dòng 10 số hiện nay thuế suất đều đã về 0%. *Theo đó, Bộ Tài chính lựa chọn phương án không tiếp tục tách dòng và lấy thuế suất mã hàng 0303.25.00 là 0% đối với VN-EAEU FTA.*

2. Mã hàng 0303.89.19 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác (được hiểu là Cá biển loại khác). Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 là 0303.89.12 có mô tả Cá bạc (Pentaprion longimanus) và 0303.89.19 có mô tả Loại khác (được hiểu là Cá biển loại khác) có hiện trạng cam kết thuế trong VN-EAEU FTA là 2,7% (mã hàng 0303.89.12) và 0% (mã hàng 0303.89.19). *Theo đó, do không có kim ngạch nhập khẩu từ Liên minh kinh tế Á – Âu đối với dòng thuế suất cao là 0303.89.12 nên Bộ Tài chính lựa chọn phương án gộp dòng và lấy thuế suất 0% của mã 0303.89.19*

3. Mã hàng 0303.89.23 (AHTN 2022) có mô tả Cá măng biển (Chanos chanos). Mã hàng này được tách từ một phần của mã hàng 0303.89.29 có mô tả là Loại khác (được hiểu là Cá loại khác không phải là cá biển). Tại VN-EAEU FTA, mã hàng 0303.89.23 chỉ tương quan với mã 0303.89.29.90. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án lấy tương quan thuế với mã hàng 0303.89.29.90 tại VN-EAEU FTA.*

4. Mã hàng 0303.89.29 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác (được hiểu là Cá loại khác không phải là cá biển). Mã hàng này giữ nguyên mã số, tuy nhiên, có sự thu hẹp phạm vi so với AHTN 2017, tại VN-EAEU FTA, mã hàng 0303.89.29 được tách thành 2 dòng 10 số hiện thuế suất đều đã về 0%. *Theo đó, Bộ Tài chính lựa chọn phương án không tiếp tục tách dòng và lấy thuế suất mã hàng 0303.89.29 là 0% đối với VN-EAEU FTA.*

5. Mã hàng 0303.91.00 (AHTN 2022) có mô tả Gan, sẹ và bọc trứng cá. Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017, tại VN-EAEU FTA, mã hàng này được tách thành 2 dòng:

0303.91.00 - - Gan, sẹ và bọc trứng cá:

0303.91.00.10 - - - Gan (thuế suất 0% tại VN-EAEU FTA)

0303.91.00.20 - - - Sẹ và bọc trứng cá (thuế suất 3,3% tại VN-EAEU FTA)

Bộ Tài chính lựa chọn phương án tách dòng tại VN-EAEU FTA do chênh lệch thuế suất 2 mã 10 số.

6. Mã hàng 0307.29.30 (AHTN 2022) có mô tả Điệp và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae – dạng khô, muối hoặc ngâm nước muối. Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 0307.29.30 có mô tả Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten – dạng khô, muối hoặc ngâm nước muối và 0307.99.30 có mô tả Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người – dạng khô, muối hoặc ngâm nước muối. Về hiện trạng thuế: Có sự chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA cụ thể như sau:

| Mã hàng | VN-EAEU FTA (2022) |
|------------|--------------------|
| 0307.29.30 | 0% |
| 0307.99.30 | 2,7% |

Bộ Tài chính lựa chọn phương án tách dòng nhằm đảm bảo cam kết thuế thành 2 dòng 10 số cụ thể như sau:

0307.29.30 - - Đông lạnh:

0307.29.30.10 - - - Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten (tương quan với mã 0307.29.30)

0307.29.30.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 0307.99.30)

7. Mã hàng 0307.29.40 (AHTN 2022) có mô tả Điệp và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae – dạng hun khói. Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 0307.29.40 có mô tả Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten – dạng hun khói và 0307.99.40 có mô tả Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người – dạng hun khói. Có sự chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA cụ thể:

| Mã hàng | VN-EAEU FTA (2022) |
|------------|--------------------|
| 0307.29.40 | 0% |
| 0307.99.40 | 2,7% |

Bộ Tài chính lựa chọn phương án tách dòng nhằm đảm bảo cam kết thuế thành 2 dòng 10 số cụ thể như sau:

0307.29.40 - - Đông lạnh:

0307.29.40.10 - - - Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten (tương quan với mã 0307.29.40)

0307.29.40.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 0307.99.40)

8. Mã hàng 0307.49.31 (AHTN 2022) có mô tả là Mực nang (Sepia officinalis, Rossia macrosoma, Sepiola spp.) và mực ống (Ommastrephes

spp., Loligo spp., Nototodarus spp., Sepioteuthis spp.) - để hun khói. Được tách một phần từ mã hàng 0307.49.30 có mô tả là Mực nang và mực ống – để hun khói. Tại VN-EAEU FTA, mặt hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 0307.49.30.10 (Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepiola* spp.) và mực ống (*Ommastrephes* spp., *Loligo* spp., *Nototodarus* spp., *Sepioteuthis* spp.)). *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Lấy tương quan thuế với mã hàng 0307.49.30.10 tại VN-EAEU FTA.*

9. Mã hàng 0307.49.39 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (Được hiểu là Mực nang và mực ống – để hun khói trừ Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepiola* spp.) và mực ống (*Ommastrephes* spp., *Loligo* spp., *Nototodarus* spp., *Sepioteuthis* spp.)). Mã này được tách một phần từ mã hàng 0307.49.30 có mô tả là Mực nang và mực ống – để hun khói. Tại VN-EAEU FTA, mặt hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 0307.49.30.90 (Mực nang và mực ống hun khói – loại khác). *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Lấy tương quan thuế với mã hàng 0307.49.30.90 tại VN-EAEU FTA.*

□ Chương 8

10. Mã hàng 0807.20.00 theo AHTN 2022 là quả đu đủ, tươi. Mã hàng này giữ nguyên mã, mô tả (đồng nghĩa với phạm vi mặt hàng không thay đổi) so với AHTN 2017. Trong VN-EAEU FTA, mã hàng theo AHTN 2017 được tách thành 2 mã 10 số, cụ thể:

| Mã hàng | Mô tả | Thuế suất VN-EAEU FTA (2022) |
|---------------|---|------------------------------|
| 0807.20.00 | - Quả đu đủ: | |
| 0807.20.00.10 | - - Đu đủ Mardi backcross solo (betik solo) | 0% |
| 0807.20.00.90 | - - Loại khác | 8,2% |

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách thành 2 mã 10 số như AHTN 2017 trong FTA này.

□ Chương 12

11-12. Mã hàng 1211.20.10 (AHTN2022) có mô tả là Rễ cây nhân sâm loại tươi hoặc khô và mã hàng 1211.20.90 (AHTN2022) có mô tả là rễ cây nhân sâm loại khác. Hai mã này được tách từ mã 1211.20.00 có mô tả là Rễ cây nhân sâm. Tại VN-EAEU FTA, mã hàng này hiện được tách thành hai mã 10 số là:

- 1211.20.00 - Rễ cây nhân sâm
- 1211.20.00.10 - - Dạng tươi hoặc khô
- 1211.20.00.90 - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh/ Loại khác

Theo đó, mã hàng 1211.20.10 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.10 và mã hàng 1211.20.90 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.90

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Mã hàng 1211.20.10 lấy tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.10 và mã hàng 1211.20.90 lấy tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.90.

13. Mã 1211.40.00 (AHTN2022) có mô tả là Thân cây anh túc. Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại VN-EAEU FTA, mã hàng này được tách thành 2 mã là:

- 1211.40.00 - Thân cây anh túc:
- 1211.40.00.10 - - Dạng tươi hoặc khô (không cam kết)
- 1211.40.00.90 - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh (0%)

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Do không phát sinh kim ngạch nhập khẩu vào Việt Nam, thuế suất MFN hiện là 0%, đề xuất không tách dòng và lấy thuế suất 0% tại VN-EAEU FTA để đơn giản biểu thuế.

14. Mã 1211.60.00 (AHTN2022) có mô tả là Vỏ anh đào Châu Phi (Prunus africana). Mã này được gộp từ 2 mã AHTN 2017 là mã 1211.90.16 có mô tả là loại khác, đã cắt nghiền hoặc dạng bột; và mã 1211.90.19 có mô tả là loại khác. Tại VN-EAEUFTA, các mã 1211.90.16 và 1211.90.19 đều được tách thành 2 mã là:

- 1211.90.1x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô
- 1211.90.1x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Hiện có sự đồng nhất về thuế suất tại mã 1211.90.16.90 và 1211.90.19.90

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách thành 3 dòng thuế đối với VN-EAEU FTA, cụ thể như sau:

- 1211.60.00 - Vỏ anh đào Châu Phi (Prunus africana):
- 1211.60.00.10 - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh (tương quan với mã 1211.90.16.90)
- 1211.60.00.20 - - Dạng tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột (tương quan với mã 1211.90.16.10)
- 1211.60.00.90 - - Loại khác (tương quan với mã 1211.90.19.10)

15-17. Các mã hàng theo AHTN 2022 gồm 1211.90.11 có mô tả Cây gai dầu, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột; 1211.90.12 có mô tả Cây gai dầu, ở dạng khác và 1211.90.13 có mô tả Rễ cây ba gác hoa đỏ. Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại VN-EAEU FTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

- 1211.90.1x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô
- 1211.90.1x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Các mã 10 số này có sự chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng tại VN-EAEU FTA do đang có chênh lệch thuế suất.

18. Mã 1211.90.15 (AHTN 2022) có mô tả Rễ cây cam thảo. Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại VN-EAEU FTA, mã hàng này được tách thành 3 mã 10 số có mô tả là:

- 1211.90.15 - - - Rễ cây cam thảo:
- 1211.90.15.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc xay thành bột
- 1211.90.15.20 - - - - Dạng tươi hoặc khô, loại khác
- 1211.90.15.30 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Các mã 10 số này có sự chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng tại VN-EAEU FTA do đang có chênh lệch thuế suất.

19-20. Các mã AHTN 2022 gồm mã 1211.90.17 có mô tả là Loại khác, tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột, mã 1211.90.18 có mô tả là Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột. Hai mã này được tách từ mã 1211.90.16 có mô tả là Rễ cây nhân sâm. Tại VN-EAEU FTA, mã hàng này hiện được tách thành hai mã 10 số là:

- 1211.90.16 - - - Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:
- 1211.90.16.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô
- 1211.90.16.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Theo đó, mã hàng 1211.90.17 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.10 và mã hàng 1211.90.18 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.90

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Mã hàng 1211.90.17 lấy tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.10 và mã hàng 1211.90.18 lấy tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.90.

21. Mã 1211.90.19 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác. Mã hàng này giữ nguyên mã số và mô tả so với AHTN 2017. Tại VN-EAEU FTA, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

- 1211.90.19 - - - Loại khác:
- 1211.90.19.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô
- 1211.90.19.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng tại VN-EAEU FTA do đang có chênh lệch thuế suất.

22-25. Các mã AHTN2022 gồm mã 1211.90.91 có mô tả là Cây kim cúc, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột; mã 1211.90.92 có mô tả là Cây kim cúc, ở dạng khác; mã 1211.90.94 có mô tả là Mảnh gỗ đàn hương; và mã 1211.90.95 có mô tả là Mảnh gỗ trầm hương (Gaharu). Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại VN-EAEU FTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.9x - - - Cây kim cúc, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:

1211.90.9x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.9x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng tại VN-EAEU FTA do đang có chênh lệch thuế suất.

26. Mã 1211.90.97 (AHTN2022): Vỏ cây Persea (Persea Kurzii Kosterm). Tại VN-EAEU FTA, mã hàng này tương quan với mã 1211.90.97 theo AHTN 2017 và được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.97 - - - Vỏ cây Persea (Persea Kurzii Kosterm):

1211.90.97.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô (thuế suất năm 2022 là 0%, không có KNNK năm 2021)

1211.90.97.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh/Loại khác (thuế suất năm 2022 là 10,9%, không có KNNK năm 2021)

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng tại VN-EAEU FTA do đang có chênh lệch thuế suất.

27-28. Các mã AHTN2022 gồm mã 1211.90.98 có mô tả là Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột; và mã 1211.90.99 có mô tả là Loại khác. Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại VN-EAEU FTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.9x - - - Cây kim cúc, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:

1211.90.9x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô (thuế suất năm 2022 là 0%, không có KNNK năm 2021)

1211.90.9x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh (thuế suất năm 2022 là 10,9%, không có KNNK năm 2021)

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng tại VN-EAEU FTA do đang có chênh lệch thuế suất.

□ **Chương 16**

29. Mã 1601.00.10 (AHTN 2022) có mô tả là Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó). Mã này được gộp từ 2 Mã AHTN 2017 là Mã 1601.00.10: - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó); một phần Mã 2106.90.99: Loại khác. Tại VN-EAEU FTA, các mã bị gộp đều có thuế suất năm 2022 đã về 0%.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Không tách dòng và lấy thuế suất 0% do không chênh lệch thuế suất.

30. Mã 1601.00.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó). Mã này được gộp từ 2 mã là 1601.00.90 có mô tả Loại khác (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó); một phần mã 2106.90.99 có mô tả là Loại khác. Hiện trạng cam kết năm 2022 theo AHTN 2017 của VN-EAEU FTA: Mã 1601.00.90 là không cam kết, Mã 2106.90.99 là 0%.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án : Tách dòng 10 số đối với VN-EAEU FTA, cụ thể như sau

1601.00.90 - Loại khác

1601.00.90.10 - - Từ côn trùng (tương quan với mã 2106.90.99)

1601.00.90.90 - - Loại khác (tương quan với mã 1601.00.90)

31. Mã 1602.10.10 (AHTN 2022) có mô tả Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khí để bán lẻ: (thuộc nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác.). Mã này được gộp từ 2 mã là 1602.10.10 có mô tả là Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác.) và một phần mã 2106.90.99 có mô tả là loại khác. Thuế suất năm 2022 trong VN-EAEU FTA đối với 02 dòng này đều đã về 0%.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Không tách dòng và lấy thuế suất 0% do không chênh lệch thuế suất.

32. Mã 1602.10.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (thuộc - Chế phẩm đồng nhất, nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác.). Mã này được gộp từ 2 Mã AHTN 2017 là Mã 1602.10.90 có mô tả là Loại khác (thuộc - Chế phẩm đồng nhất, nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác.) và một phần mã 2106.90.99 có mô tả là Loại khác. Thuế suất năm 2022 trong VN-EAEU FTA đối với 02 dòng này đều đã về 0%.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Không tách dòng và lấy thuế suất 0% do không chênh lệch thuế suất.

□ **Chương 20**

33. Mã 2002.10.00 có mô tả Cà chua, nguyên quả hoặc dạng miếng. Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Tại VN-EAEU FTA mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số hiện đều có thuế suất là 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Không tiếp tục tách dòng, lấy thuế suất 0% tại VN-EAEU FTA*

34. Mã 2005.10.20 có mô tả Phù hợp dùng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ. Mã này được nhập từ 2 dòng AHTN 2017 là 2005.10.10 có mô tả Đóng bao bì kín khí để bán lẻ và 2005.10.90 có mô tả Loại khác. Chênh lệch thuế suất năm 2022 tại VN-EAEU FTA đối với 2 dòng là này không cam kết và 10,9%.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng 10 số tại VN-EAEU FTA theo mô tả sau:

- 2005.10.20 - - Phù hợp dùng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ
- 2005.10.20.10 - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (tương quan với mã 2005.10.10)
- 2005.10.20.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 2005.10.90)

35. Mã 2005.10.30 có mô tả Phù hợp dùng cho mục đích ăn kiêng. Mã này được nhập từ 2 dòng AHTN 2017 là 2005.10.10 có mô tả Đóng bao bì kín khí để bán lẻ và 2005.10.90 có mô tả Loại khác. Chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA đối với 2 dòng là này không cam kết và 10,9%.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án:

Tách dòng 10 số tại VN-EAEU FTA theo mô tả sau:

- 2005.10.30 - - Phù hợp dùng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ
- 2005.10.30.10 - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (tương quan với mã 2005.10.10)
- 2005.10.30.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 2005.10.90)

□ **Chương 24**

36. Mã 2404.12.10 (AHTN2022) có mô tả là “- - - Thuốc lá điện tử dạng gel hoặc dạng lỏng”

37. Mã 2404.12.90 (AHTN 2022) có mô tả là “- - - Loại khác:”

38. Mã 2404.19.20 (AHTN2022) có mô tả là “- - - Chứa các nguyên liệu thay thế nicotine”

39. Mã 2404.91.10 (AHTN 2022) có mô tả là “- - - Kẹo cao su có nicotine”

40. Mã 2404.91.90 (AHTN 2022) có mô tả là “- - - Loại khác”

41. Mã 2404.92.10 (AHTN 2022) có mô tả là “- - Miếng dán nicotine”

42. Mã 2404.92.90 (AHTN 2022) có mô tả là “- - - Loại khác”

43. Mã 2404.99.00 (AHTN 2022) có mô tả là “- - Loại khác”

Đối với các mã hàng có số thứ tự từ 36-43: Đây là 8 mã hàng lá thuốc lá thuộc nhóm 24.04 theo AHTN 2022 có tương quan với 1 mã hàng AHTN 2017.

Theo danh mục AHTN 2022, Chương 24 về các mặt hàng “Thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến” được bổ sung thêm các sản phẩm thuộc nhóm 24.04 là “Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotin, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người” trên cơ sở sự phát triển của ngành hàng thuốc lá phi truyền thống như thuốc lá điện tử dạng gel, thuốc lá sử dụng nguyên liệu thay thế nicotin.

Nhóm hàng này được hình thành trên cơ sở các sản phẩm là nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (mã số 2403.99.30; 2403.99.90), các chất khác của sản phẩm, chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc ngành công nghiệp có liên quan chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã số 3824.99.99) và hỗn hợp khác của hóa chất với thực phẩm để chế biến thực phẩm (mã số 2106.90.99).

Về cam kết tại VN-EAEU FTA, các mặt hàng thuốc lá thuộc Chương 24 không cam kết cắt giảm/xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực mà cắt giảm có lộ trình hoặc duy trì thuế suất cao/hạn ngạch thuế quan (ví dụ như: *cam kết trong hạn ngạch/không cam kết đối với lá thuốc lá thuộc nhóm 2401; không cam kết hoặc áp dụng mức thuế suất 50% tới cuối lộ trình đối với xì gà, thuốc lá điếu... thuộc nhóm 2402; không cam kết hoặc áp dụng mức thuế suất 30% tới cuối lộ trình đối với nhóm lá thuốc lá đã chế biến và các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá thuộc nhóm 2403*). Đối với các mã hàng 2403.99.30 và 2403.99.90, trong VN-EAEU FTA hiện đang có thuế suất cam kết cao (tương ứng là không cam kết và 30% năm 2022 cho tới cuối lộ trình).

Trong khi đó, các mã 2106.90.99 và 3824.99.99 là những dòng hàng có thuế suất cam kết thấp, đều là 0% từ năm 2022 trở đi.

Trường hợp thực hiện theo cam kết tại VN-EAEU FTA, có 8/10 các mặt hàng thuốc lá nhóm 2404 sẽ duy trì mức thuế suất thấp tương quan với các mã hàng 2106.90.99 và 3824.99.99 (tức là 0%).

Về quan điểm phân loại: Theo công văn số 7143/TB-TCHQ ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) thông báo về kết quả phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu, các mặt hàng là chế phẩm dạng lỏng dùng cho thuốc lá điện tử với thành phần gồm hỗn hợp các chất thơm (Ethyl) và nicotine

được phân loại vào nhóm 2403 (Phụ lục của công văn số 7143/TB-TCHQ liệt kê cụ thể mô tả đối với 8 loại hàng hóa, và đều thuộc phân loại của mã hàng 2403.99.90). Như vậy, những mặt hàng là chế phẩm dạng lỏng dùng cho thuốc lá điện tử với thành phần gồm hỗn hợp các chất thơm (Ethyl) và nicotine được phân loại ở chương 24, thay vì phân loại theo nhóm hóa chất có thuế suất thấp của các mã 2106.90.99 và 3824.99.99 (*Thông báo đính kèm*).

Do đây là mặt hàng nhạy cảm, Bộ Tài chính trình Chính phủ xử lý theo hướng các mã hàng thuộc nhóm 2404 theo AHTN 2022 có tương quan với mã 2106.90.99 và 3824.99.99 (8 mã) theo AHTN 2017 sẽ áp dụng chính sách thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo cam kết của mã hàng 2403.99.90 theo AHTN 2017.

Cơ sở đề xuất như trên với Hiệp định VN-EAEU FTA là việc Hiệp định này chưa có cơ chế chính thức về việc rà soát và thống nhất chuyển đổi trước khi ban hành nội luật, do đó, việc ban hành Nghị định trong giai đoạn này có thể áp dụng phương án như trên đối với nhóm 2404, mặc dù vẫn có rủi ro phía EAEU yêu cầu tham vấn và đề nghị thực hiện nguyên tắc không xói mòn cam kết tại Hiệp định.

Trường hợp có vướng mắc trong thực thi sau này tại Ủy ban thực thi, các đối thoại sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo vệ quan điểm thống nhất của Việt Nam đối với phân loại mặt hàng này cũng như dựa trên ý nghĩa pháp lý của bảng tương quan (chỉ mang tính chất tham khảo trong chuyển đổi cam kết thuế).

Xét về kim ngạch nhập khẩu, không phát sinh kim ngạch hoặc có kim ngạch không đáng kể từ EAEU đối với các mặt hàng Chương 24 cũng như các mặt hàng thuộc mã thuộc mã 2106.90.99 và 3824.99.99 (chỉ duy nhất có 1 dòng 2403.19.20 có kim ngạch nhập khẩu xấp xỉ 263 nghìn USD năm 2021; tuy nhiên dòng hàng này vốn đã không cam kết tại Hiệp định và không có thay đổi về tương quan mã hàng cũng như mô tả mặt hàng tại AHTN 2022). Do đó, khả năng bạn có ý kiến đối với việc thực hiện cam kết với mặt hàng này là thấp.

44. Mã 2404.19.10 (AHTN 2022) có mô tả là Chứa các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá.

Mã này được gộp từ 2 mã AHTN 2017 2403.99.30 có mô tả Nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến và 2403.99.90 có mô tả là Loại khác. Các mã này có sự chênh lệch thuế suất năm 2022 tại VN-EAEU FTA (không cam kết và 30%). Tuy nhiên hiện nay Bộ Tài chính không đề xuất tách mã 10 số vì mặt hàng chuyển từ 2403.99.30 về 2404.19.10 là sản phẩm chứa các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (do nhóm 24.04 chỉ bao gồm các sản phẩm không bao gồm

nguyên liệu), do đó, nếu tách dòng 10 số sẽ rất khó để phân biệt mặt hàng “*Nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến*” và “*loại khác, chứa nguyên liệu thay thế lá thuốc lá*”. Theo đó, Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Không tách dòng tại VN-EAEU FTA và lấy tương quan thuế suất với mã 2403.99.90.

□ Chương 28

45-46. Mã 2835.31.10 (AHTN 2022) có mô tả Loại dùng cho thực phẩm và Mã 2835.31.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Các mã này tương quan với mã 2835.31.00 tại AHTN 2017 có mô tả là Natri triphosphat (natri tripolyphosphat). Tại AHTN 2022, mặt hàng Natri triphosphat đã được chi tiết thành 2 dòng là Loại dùng cho thực phẩm (2835.31.10) và Loại khác (2835.31.90). Tại VN-EAEU FTA, mã hàng 2835.31.10 chỉ tương quan với 1 mã 10 số là 2835.31.00.10 loại dùng cho thực phẩm và mã hàng 2835.31.90 chỉ tương quan với 1 mã 10 số là 2835.31.00.90 loại dùng cho thực phẩm. Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tại VN-EAEU FTA, mã hàng 2835.31.10 lấy tương quan với mã 10 số là 2835.31.00.10 loại dùng cho thực phẩm và mã hàng 2835.31.90 lấy tương quan với 1 mã 10 số là 2835.31.00.90 loại dùng cho thực phẩm.

□ Chương 29

47. Mã 2903.19.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác được gộp từ 02 dòng AHTN 2017 là 2903.19.10 và 2903.19.90 đều có thuế suất năm 2022 đã về 0% -> Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Không tiếp tục tách dòng, lấy thuế suất 0% tại VN-EAEU FTA.

48. Mã 2939.49.00 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác thuộc nhóm 29.39 của Alkaloid, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp, và các muối, este, este và các dẫn xuất khác của chúng. Mã này được gộp từ 3 mã AHTN 2017 là mã 2939.49.90: Loại khác, mã 2939.71.00: Cocaine, ecgonine, levometamfetamine, metamfetamine (INN), metamfetamine racemate; các muối, este và các dẫn xuất khác của chúng, mã 2939.79.00: Loại khác. Tại VN-EAEU FTA có sự chênh lệch thuế suất năm 2022 là mã 2939.49.90, 2939.71.00: không cam kết, 2939.79.00: 0%). Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Do hiện nay thuế suất MFN của mặt hàng này là 0%, do đó, đề xuất lấy cam kết tại VN-EAEU FTA là 0% và không tách dòng.

□ Chương 30

49. Mã 3004.90.59 (AHTN 202) có mô tả Loại khác (Thuốc giảm đau, thuốc hạ sốt và các loại dược phẩm khác dùng để điều trị ho hoặc cảm lạnh, có hoặc không chứa chất kháng histamin, không chứa axit acetylsalicylic, paracetamol hoặc dipyron (INN) dạng uống, diclofenac dạng uống, piroxicam (INN) hoặc ibuprofen, không bao gồm dạng dầu xoa bóp). Mã hàng này tương quan với 2 Mã AHTN 2017 là 3004.90.52 có mô tả Chứa clorpheniramin maleat và 3004.90.59 có mô tả Loại khác. Các mã này có thuế

suất năm 2022 đã về 0% trong VN-EAEU FTA. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng và lấy thuế suất bằng 0% trong VN-EAEU FTA.*

□ **Chương 38**

50. Mã 3808.52.20 (AHTN 2022) có mô tả là Thuốc trừ nấm và thuốc trừ côn trùng dạng bình xịt, DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300 g (nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38). Mã này tương quan với 1 phần mã AHTN 2017 8 số là mã 3808.52.90. Trong đó, Mã 3808.52.90 được tách thành 5 mã 10 số tại các VN-EAEU FTA. Căn cứ theo mô tả, mã AHTN 2022 được xác định chỉ tương quan với mã 3808.52.90.10: Thuốc trừ côn trùng và mã 3808.52.90.20: Thuốc diệt nấm, có khác biệt thuế trong VN-EAEU FTA đối với 2 mã hàng này.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách thành 02 mã 10 số đảm bảo cam kết đối với tại VN-EAEU FTA, cụ thể như sau:

| | |
|---------------|---|
| 3808.52.20 | - - - Thuốc trừ nấm và thuốc trừ côn trùng dạng bình xịt |
| 3808.52.20.10 | - - - - Thuốc trừ côn trùng (tương quan với mã 3808.52.90.10) |
| 3808.52.20.90 | - - - - Loại khác (tương quan với mã 3808.52.90.20) |

51. Mã 3808.52.90 (AHTN 2022) có mô tả là DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300 g (nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38) loại khác, không bao gồm: thuốc bảo quản gỗ, là chế phẩm chứa chất trừ côn trùng hoặc trừ nấm, trừ chất phủ bề mặt và thuốc trừ nấm và thuốc trừ côn trùng dạng bình xịt. Mã này tương quan với mã 3808.52.90 theo AHTN 2017. Trong đó, mã 3808.52.90 được tách thành 5 mã 10 số tại VN-EAEUFTA với chênh lệch thuế suất như sau

- FTA bị ảnh hưởng, hiện trạng cam kết:

| Mã AHTN | Thuế suất VN-EAEU FTA (2022) |
|---------------|------------------------------|
| 3808.52.90.10 | 0% |
| 3808.52.90.20 | Không cam kết |
| 3808.52.90.30 | 0% |
| 3808.52.90.40 | 0% |
| 3808.52.90.90 | 0% |

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách thành 03 dòng 10 số đảm bảo cam kết đối với VN-EAEU FTA do có sự khác biệt thuế suất; ba mã 10 số 3808.52.90.10, 3808.52.90.30 và 3808.52.90.40 gộp do có thuế suất đều đã về 0%.

3808.52.90 - - - Loại khác:

3808.52.90.10 - - - - Thuốc trừ côn trùng, thuốc diệt cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc điều hòa sinh trưởng cây trồng, và thuốc khử trùng (tương quan với mã 3808.52.90.10, 3808.52.90.30 và 3808.52.90.40)

3808.52.90.20 - - - - Thuốc diệt nấm (tương quan với mã 3808.52.90.20)

3808.52.90.90 - - - - Loại khác (tương quan với mã 3808.52.90.90)

52. Mã 3808.59.21 (AHTN 2022) có mô tả là Thuốc trừ nấm dạng bình xịt, nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38, không bao gồm DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300 g. Mã này giữ nguyên mô tả và mã số, thu hẹp phạm vi so với mặt hàng này tại AHTN 2017. Tại VN-EAEU FTA mã này được tách thành 2 dòng 10 số có sự chênh lệch thuế suất. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng tại VN-EAEU FTA.*

53. Mã 3808.92.19 (AHTN 2022) có mô tả là Thuốc trừ nấm dạng bình xịt có hàm lượng validamycin trên 3% tính theo trọng lượng tịnh, không bao gồm loại đã nêu trong Chú giải phân nhóm 1 và 2 của Chương 38. Mã này được gộp từ 2 mã AHTN 2017 là một phần Mã 3808.59.21: Thuốc trừ nấm dạng bình xịt và mã 3808.92.19. Trong đó, mã 3808.59.21 được tách thành hai dòng 10 số VN-EAEU FTA, tuy nhiên, căn cứ mô tả, mã 3808.92.19 được xác định là chỉ tương quan với mã tách 10 số - 3808.59.21.90: Thuốc trừ nấm dạng bình xịt loại khác (có hàm lượng validamycin trên 3% tính theo trọng lượng tịnh). *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA.*

54-57. Mã 3916.90.11 (AHTN 2022) có mô tả là Từ polypropylen

Mã 3916.90.12 (AHTN 2022) có mô tả là Từ polystyrene

Mã 3916.90.19 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

Mã 3916.90.30 (AHTN 2022 có mô tả là Từ cellulose tái sinh; từ cellulose nitrate, cellulose acetate và các este cellulose, ete cellulose và các dẫn xuất hóa học khác của cellulose, đã hóa dẻo

Các mã này được tách từ mã 3916.90.70 có mô tả là Từ các polyme trùng hợp khác; từ xenlulo tái sinh; từ nitrat xenlulo, acetat xenlulo và các este xenlulo khác, các ete xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo. Mã hàng này hiện được tách thành 2 dòng 10 số theo VN-EAEU FTA tuy nhiên thuế suất năm 2022 của các dòng hàng này hiện đã về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

58-60. Mã 3916.90.21 (AHTN 2022) có mô tả là Từ các nhựa phenolic; từ các nhựa amino

Mã 3916.90.22 (AHTN 2022) có mô tả là Từ các polyamide

Mã 3916.90.29 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

Các mã này được tách từ mã 3916.90.80 có mô tả là Từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp. Mã hàng này hiện được tách thành 2 dòng 10 số theo VN-EAEU FTA tuy nhiên thuế suất năm 2022 của các dòng hàng này hiện đã về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

61-62. Mã 3916.90.40 (AHTN 2022) có mô tả là từ các protein đã được làm cứng. Gộp từ 02 dòng AHTN 2017 là 3916.90.41 có mô tả Sợi monofilament và 3916.90.42 có mô tả Dạng thanh, que và các dạng hình tuy nhiên tại VN-EAEU FTA các dòng hàng này đã có thuế suất năm 2022 về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

Chương 40

63. Mã hàng 4011.70.00 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe và máy nông nghiệp hoặc lâm nghiệp. Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Theo AHTN 2017, mã này được tách thành các dòng 10 số có chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng tại VN-EAEU FTA, tuy nhiên, kết cấu lại mô tả và mã số để đồng nhất tại các FTA. Cụ thể như sau:

| AHTN 2022 | Mô tả | Tương quan |
|---------------|--|-----------------------------|
| 4011.70.00 | - Loại dùng cho xe và máy nông nghiệp hoặc lâm nghiệp | |
| | - - Loại có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự: | |
| 4011.70.00.11 | - - - Loại dùng cho máy kéo nông nghiệp hoặc lâm nghiệp thuộc nhóm 87.01 hoặc dùng cho máy nông nghiệp hoặc lâm nghiệp thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30 | 4011.70.00.10 (VN-EAEU FTA) |
| 4011.70.00.19 | - - - Loại khác | 4011.70.00.20 (VN-EAEU FTA) |
| | - - Loại khác: | |
| 4011.70.00.91 | - - - Loại dùng cho máy kéo, máy thuộc phân nhóm 84.29 hoặc 84.30 hoặc xe cút kít | 4011.70.00.10 (VN-EAEU FTA) |
| 4011.70.00.99 | - - - Loại khác | 4011.70.00.90 (VN-EAEU FTA) |

64. Mã hàng 4011.80.11 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng, xe cút kít hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác. Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017. Được tách thành các dòng 10 số tại VN-EAEU có thuế suất năm 2022 đồng nhất là 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

65. Mã hàng 4011.80.31 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30. Mã này là một phần của mã 4011.80.21 có mô tả Loại dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác, được tách thành 3 dòng 10 số tại các FTA tuy nhiên chỉ tương quan với 2 dòng 10 số là 4011.80.21.10 có mô tả Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự , 4011.80.21.20 và Loại khác, dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30. Tại VN-EAEU FTA các dòng này có thuế suất năm 2022 đồng nhất là 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

66. Mã hàng 4011.80.39 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Mã này là một phần của mã 4011.80.21 có mô tả Loại dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác, được tách thành 3 dòng 10 số tại VN-EAEU FTA tuy nhiên chỉ tương quan với 2 dòng 10 số là 4011.80.21.10 có mô tả là Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự và 4011.80.21.90 có mô tả là Loại khác. Tại VN-EAEU FTA, thuế suất 2 dòng 10 số đã đồng nhất về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

67. Mã hàng 4011.90.10 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe thuộc Chương 87. Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017, được tách thành 2 các dòng 10 số tại VN- EAEU FTA có mô tả là:

- 4011.90.10 - - Loại dùng cho xe thuộc Chương 87
- 4011.90.10.10 - - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự
- 4011.90.10.90 - - - Loại khác

Tại VN-EAEU FTA vẫn duy trì chênh lệch thuế suất.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng 10 số tại VN-EAEU FTA do còn chênh lệch thuế suất.

68. Mã hàng 4011.90.20 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30. Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017, được tách thành 2 các dòng 10 số tại VN-EAEU FTA có mô tả là:

- 4011.90.20 - - Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30
- 4011.90.20.10 - - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự
- 4011.90.20.90 - - - Loại khác

Tại VN-EAEU FTA vẫn duy trì chênh lệch thuế suất.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng 10 số tại VN-EAEU FTA do còn chênh lệch thuế suất.

□ **Chương 60**

69. Mã hàng 6005.35.00 (AHTN 2022) có mô tả Các loại vải được chi tiết trong Chú giải phân nhóm 1 Chương này. Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017, được tách thành 4 mã 10 số tại VN-EAEU FTA tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Không tiếp tục tách dòng tại VN-EAEU FTA.*

□ **Chương 61**

70. Mã hàng 6116.10.10 (AHTN 2022) có mô tả Găng tay của thợ lặn. Mã này được gộp từ 5 mã AHTN 2017 gồm: 6116.10.10 có mô tả Găng tay của thợ lặn (Được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ với plastic hoặc cao su), một phần mã 6116.91.00 có mô tả Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn, một phần mã 6116.92.00 có mô tả Từ bông, một phần mã 6116.93.00 có mô tả Từ các xơ tổng hợp, một phần mã 6116.99.00 có mô tả Từ các vật liệu dệt khác. Tuy nhiên, tại VN-EAEU FTA các dòng này đã có thuế suất năm 2022 về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

71. Mã hàng 6116.10.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Mã này được gộp từ 5 mã 6116.10.90 có mô tả Loại khác (Được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ với plastic hoặc cao su), một phần mã 6116.91.00 có mô tả Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn, một phần mã 6116.92.00 có mô tả Từ bông, một phần mã 6116.93.00 có mô tả Từ các xơ tổng hợp, một phần mã 6116.99.00 có mô tả Từ các vật liệu dệt khác. Tuy nhiên, tại VN-EAEU FTA các dòng này đã có thuế suất năm 2022 về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

□ **Chương 68**

72. Mã hàng 6815.91.00 (AHTN 2022) có mô tả Có chứa magiezit, magiê ôxít ở dạng periclase, dolomit kể cả ở dạng dolime, hoặc cromit. Mã này được gộp từ 2 mã là 6815.91.00 có mô tả Có chứa magiezit, dolomit hoặc cromit và một phần mã 6815.99.00 có mô tả Loại khác, tại VN-EAEU FTA các dòng này đã có thuế suất năm 2022 về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

□ **Chương 69**

73-78. Mã hàng 6907.21.93 (AHTN 2022) có mô tả Gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường, đã tráng men (Cửa loại có độ hút nước không vượt quá 0,5% tính theo trọng lượng)

Mã hàng 6907.22.93 (AHTN 2022) có mô tả Gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường, đã tráng men (Cửa loại có độ hút nước trên 0,5% nhưng không vượt quá 10% tính theo trọng lượng)

Mã hàng 6907.22.94 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, đã tráng men (Cửa loại có độ hút nước trên 0,5% nhưng không vượt quá 10% tính theo trọng lượng)

Mã hàng 6907.23.93 (AHTN 2022) có mô tả Gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường, đã tráng men (Cửa loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng)

Mã hàng 6907.23.94 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, đã tráng men (Cửa loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng)

Mã hàng 6907.40.92 (AHTN 2022) có mô tả Đã tráng men (Các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện)

Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017 và mỗi mã được tách thành 2 mã 10 số tại VN-EAEU FTA có mô tả là: Gạch trơn, chưa có hoa văn (thuế suất 9,5%) và Loại khác (thuế suất 0%). *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng tại VN-EAEU FTA do còn chênh lệch thuế suất.*

□ **Chương 70**

79. Mã hàng 7019.69.00 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Mã này được gộp từ một phần 3 mã là 7019.39.90 có mô tả Loại khác (Mạng (webs), đệm, tấm và các sản phẩm không dệt tương tự), mã 7019.51.00 có mô tả Có chiều rộng không quá 30 cm, mã 7019.59.00 có mô tả Loại khác, tại VN-EAEU FTA các dòng này đã có thuế suất năm 2022 về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

80. Mã hàng 7019.80.20 (AHTN 2022) có mô tả Các sản phẩm từ len thủy tinh. Mã này được gộp từ một phần 2 mã là 7019.39.90 có mô tả Loại khác (Mạng (webs), đệm, tấm và các sản phẩm không dệt tương tự) và mã 7019.90.90 có mô tả Loại khác, tại VN-EAEU FTA các dòng này đã có thuế suất năm 2022 về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

81. Mã hàng 7019.90.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Mã này được gộp từ một phần 5 mã là 7019.39.90 có mô tả Loại khác (Mạng (webs), đệm, tấm và các sản phẩm không dệt tương tự), mã 7019.51.00 có mô tả Có chiều rộng không quá 30 cm, mã 7019.52.00 có mô tả Có chiều rộng trên 30 cm, dệt vân điểm, trọng lượng dưới 250 g/m², dệt từ sợi filament có độ mảnh mỗi sợi đơn không quá 136 tex, mã 7019.59.00 có mô tả Loại khác và mã 7019.90.90 có mô tả Loại khác, tại VN-EAEU FTA các dòng này đã có thuế suất năm 2022 về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

□ **Chương 84**

82. Mã hàng 8409.91.29 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017, được tách thành 3 mã 10 số tại VN-EAEU FTA là 8409.91.29.10 có mô tả Quy lát và nắp quy lát (thuế suất 0%), 8409.91.29.20 có mô tả Piston khác (Không cam kết) và 8409.91.29.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 0%). *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách lại thành 2 dòng 10 số theo AHTN 2022 tại VN-EAEU FTA, cụ thể như sau:*

- 8409.91.29 - - - - Loại khác:
- 8409.91.29.10 - - - - Piston khác (Tương quan với mã 8409.91.29.20)
- 8409.91.29.90 - - - - Loại khác (Tương quan với mã 8409.91.29.10/8409.91.29.90)

83. Mã hàng 8413.30.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017, được tách thành 2 mã 10 số tại VN-EAEU FTA, tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Không tiếp tục tách dòng, lấy thuế suất 0% tại VN-EAEU FTA.*

84. Mã hàng 8481.40.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017, được tách thành 2 mã 10 số tại VN-EAEU FTA, tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Không tiếp tục tách dòng, lấy thuế suất 0% tại VN-EAEU FTA.*

85. Mã hàng 8485.80.00 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Được gộp từ 3 mã 8441.80.10 có mô tả Hoạt động bằng điện, 8465.99.60 có mô tả Loại khác, hoạt động bằng điện, 8479.89.39 có mô tả Loại khác.

- Chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA như sau:

| Mã hàng | Thuế suất VN-EAEU FTA (2022) |
|------------|------------------------------|
| 8441.80.10 | Không cam kết |
| 8465.99.60 | 0% |
| 8479.89.39 | Không cam kết |

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Nhập dòng lấy thuế suất 0% do thuế suất MFN các dòng AHTN 2017 đã về 0%.

□ Chương 85

86. Mã hàng 8519.89.10 (AHTN 2022) có mô tả là Máy tái tạo âm thanh dùng trong điện ảnh. Mã này được gộp từ 2 mã là 8519.89.11 có mô tả Dùng cho phim có chiều rộng dưới 16 mm và mã 8519.89.12 có mô tả Dùng cho phim có chiều rộng từ 16 mm trở lên, chênh lệch thuế suất năm 2022 tại VN-EAEU FTA là 2,7% và 0%.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng 10 số tại VN-EAEU FTA cụ thể như sau:

- 8519.89.10 - - - Máy tái tạo âm thanh dùng trong điện ảnh:
- 8519.89.10.10 - - - - Dùng cho phim có chiều rộng dưới 16 mm (Tương quan với mã 8519.89.11)
- 8519.89.10.20 - - - - Dùng cho phim có chiều rộng từ 16 mm trở lên (Tương quan với mã 8519.89.12)

87-89. Mã hàng 8524.91.00 (AHTN 2022) có mô tả Mô-đun màn hình đẹt, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng, bằng tinh thể lỏng

Mã hàng 8524.92.00 (AHTN 2022) có mô tả Mô-đun màn hình đẹt, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng, bằng đi-ốt phát quang hữu cơ (OLED)

Mã hàng 8524.99.00 (AHTN 2022) có mô tả Mô-đun màn hình đẹt, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng, loại khác

Các mã này đều được gộp từ một phần của 3 mã là 8473.30.90 có mô tả Loại khác; mã 8517.70.21 có mô tả Cửa điện thoại di động (cellular telephones) và mã 8529.90.94 có mô tả Dùng cho màn hình đẹt, chênh lệch thuế suất năm 2022 tại VN-EAEU FTA cụ thể như sau:

| Mã hàng | VN-EAEU FTA |
|------------|---------------|
| 8473.30.90 | Không cam kết |
| 8517.70.21 | Không cam kết |
| 8529.90.94 | 0% |

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng 10 số tại VN-EAEU FTA cụ thể như sau:

8524.9x.00.10 - - - Dùng cho màn hình đẹt (Tương quan với mã 8529.90.94)

8524.9x.00.20 - - - Cửa điện thoại di động (cellular telephones) (Tương quan với mã 8517.70.21)

8524.9x.00.30 - - - Cửa máy thuộc nhóm 84.71 (Tương quan với mã 8473.30.90)

90-91. Mã hàng 8531.80.11 (AHTN 2022) có mô tả Chuông cửa và các thiết bị báo hiệu bằng âm thanh khác dùng cho cửa.

Mã hàng 8531.80.19 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác (thuộc nhóm 8531: Thiết bị báo hiệu bằng âm thanh hoặc hình ảnh (ví dụ, chuông, còi báo, bảng chỉ báo, báo động chống trộm hoặc báo cháy), trừ các thiết bị thuộc nhóm 85.12 hoặc 85.30.)

Tại VN-EAEU FTA các mã này tương quan với mã AHTN 2017 là 8531.80.10 có mô tả Chuông điện tử và các thiết bị báo hiệu bằng âm thanh khác được tách thành 02 dòng 10 số có cam kết như sau:

| Mã AHTN 2017 | Mô tả | Thuế suất 2022 |
|---------------|---|----------------|
| 8531.80.10 | - - Chuông điện tử và các thiết bị báo hiệu bằng âm thanh khác | |
| 8531.80.10.10 | - - - Chuông cửa và thiết bị báo hiệu bằng âm thanh khác dùng cho cửa | 0 |

| | | |
|---------------|-----------------|-----|
| 8531.80.10.90 | - - - Loại khác | 5,5 |
|---------------|-----------------|-----|

Do mã 8531.80.11 (AHTN 2022) tương đồng với mã 8531.80.10.10 (AHTN 2017) về mô tả mặt hàng và mã 8531.80.11 (AHTN 2022) tương đồng với mã 8531.80.10.90 về mô tả mặt hàng. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Mã 8531.80.11 (AHTN 2022) lấy tương quan với mã 8531.80.10.10 (AHTN 2017); Mã 8531.80.11 (AHTN 2022) lấy tương quan với mã 8531.80.10.90 (AHTN 2017).*

92. Mã hàng 8536.90.40 (AHTN 2022) có mô tả Kẹp pin dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.11. Mã này được gộp từ 2 mã AHTN 2017 là 8536.90.94 có mô tả Loại khác, đầu nối và các bộ phận dùng để nối cho dây dẫn và cáp; dòng điện dưới 16A và mã 8536.90.99 có mô tả Loại khác, chênh lệch thuế suất 2 mã này tại VN-EAEU FTA là 6,8% và 5%.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng 10 số tại VN-EAEU FTA cụ thể như sau:

8536.90.40 - - Kẹp pin dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.11:

8536.90.40.10 - - - Dòng điện dưới 16A (Tương quan với mã 8536.90.94)

8536.90.40.90 - - - Loại khác (Tương quan với mã 8536.90.99)

93. Mã hàng 8539.51.00 (AHTN 2022) có mô tả Mô-đun đi-ốt phát quang (LED). Mã này được gộp từ 3 mã AHTN 2017 là 8539.90.20 có mô tả Loại khác, dùng cho đèn của xe có động cơ, 8539.90.90 có mô tả Loại khác và 9405.99.90 có mô tả là Loại khác (Dùng cho đèn và bộ đèn kể cả đèn pha và đèn rọi; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự, có nguồn sáng cố định thường xuyên, trừ loại bằng thủy tinh hoặc plastic), thuế suất năm 2022 tại VN-EAEU FTA của các dòng này đều đã về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

94. Mã hàng 8539.90.30 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, của phân nhóm 8539.51.00. Mã này được gộp từ 2 mã AHTN 2017 là 8539.90.90 có mô tả Loại khác và 9405.99.90 có mô tả là Loại khác (Dùng cho đèn và bộ đèn kể cả đèn pha và đèn rọi; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự, có nguồn sáng cố định thường xuyên, trừ loại bằng thủy tinh hoặc plastic), thuế suất năm 2022 tại VN-EAEU FTA của các dòng này đều đã về 0%. *Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Gộp dòng tại VN-EAEU FTA và lấy thuế suất 0%.*

□ Chương 87

95. Mã hàng 8704.43.69 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác. Mã này được gộp từ 2 mã AHTN 2017 là 8704.23.66 có mô tả Ô tô tự đổ và 8704.23.69 có mô tả Loại khác, có chênh lệch thuế suất VN-EAEU FTA.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách dòng 10 số đối với VN-EAEU FTA do có thuế suất khác biệt, cụ thể:

- 8704.43.69 - - - - - Loại khác:
 8704.43.69.10 - - - - - Ô tô tự đổ (Tương quan với mã 8704.23.66)
 8704.43.69.90 - - - - - Loại khác (Tương quan với mã 8704.23.69)

96. Mã hàng 8708.22.30 (AHTN 2022) có mô tả là Kính chắn gió phía trước (kính chắn gió), kính phía sau và kính cửa khác được mô tả tại Chú giải Phân nhóm 1 của chương 87 dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05. Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 là 8708.29.98 có mô tả Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04 (trừ các sản phẩm đã được liệt kê tại phân nhóm) và 8708.29.99 có mô tả Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe dùng cho xe loại khác (được hiểu là nhóm 87.05, (trừ các sản phẩm đã được liệt kê tại phân nhóm), tại VN-EAEU FTA có sự chênh lệch là không cam kết (mã 8708.29.98) và 0% (8708.29.99).

Để hài hòa với các FTA khác, Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách thành 4 dòng tương ứng như sau:

- 8708.22.30 - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05
 - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04
 8708.22.30.11 - - - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (Tương quan với 8708.29.98.10)
 8708.22.30.19 - - - - - Loại khác (Tương quan với 8708.29.98.90)
 - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.05
 8708.22.30.21 - - - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (Tương quan với 8708.29.99.10)
 8708.22.30.29 - - - - - Loại khác (Tương quan với 8708.29.99.90)

□ **Chương 90**

97. Mã 9032.20.00 (AHTN 2022) có mô tả Bộ điều chỉnh áp lực. Mã hàng này được gộp từ 2 mã AHTN 2017 là 9032.20.10 có mô tả Hoạt động bằng điện và mã 9032.20.20 có mô tả Không hoạt động bằng điện, có chênh lệch thuế suất tại VN-EAEU FTA là 5,5% và 0%.

Bộ Tài chính lựa chọn phương án: Tách thành hai dòng 10 số mới tại AHTN 2022 tại VN-EAEU FTA, cụ thể như sau:

- 9032.20.00 - Bộ điều chỉnh áp lực:
 9032.20.00.10 - - Hoạt động bằng điện (Tương quan với mã 9032.20.10)
 9032.20.00.90 - - Loại khác (Tương quan với mã 9032.20.20)

2.4. Về sản phẩm thuốc lá thuộc nhóm 24.04

Theo danh mục AHTN 2022, Chương 24 về các mặt hàng “Thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến” được bổ sung thêm các sản phẩm thuộc nhóm 24.04 là “Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotin, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người” trên cơ sở sự phát triển của ngành hàng thuốc lá phi truyền thống như thuốc lá điện tử dạng gel, thuốc lá sử dụng nguyên liệu thay thế nicotin.

Nhóm hàng này được hình thành trên cơ sở các sản phẩm là nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (mã số 2403.99.30; 2403.99.90), các chất khác của sản phẩm, chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc ngành công nghiệp có liên quan chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã số 3824.99.99) và hỗn hợp khác của hóa chất với thực phẩm để chế biến thực phẩm (mã số 2106.90.99).

Về cam kết tại VN-EAEU FTA, các mặt hàng thuốc lá thuộc Chương 24 không cam kết cắt giảm/xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực mà cắt giảm có lộ trình hoặc duy trì thuế suất cao/hạn ngạch thuế quan (ví dụ như: cam kết trong hạn ngạch/không cam kết đối với lá thuốc lá thuộc nhóm 2401; không cam kết hoặc áp dụng mức thuế suất 50% tới cuối lộ trình đối với xì gà, thuốc lá điếu... thuộc nhóm 2402; không cam kết hoặc áp dụng mức thuế suất 30% tới cuối lộ trình đối với nhóm lá thuốc lá đã chế biến và các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá thuộc nhóm 2403). Đối với các mã hàng 2403.99.30 và 2403.99.90, trong VN-EAEU FTA hiện đang có thuế suất cam kết cao (tương ứng là không cam kết và 30% năm 2022 cho tới cuối lộ trình).

Trong khi đó, các mã 2106.90.99 và 3824.99.99 là những dòng hàng có thuế suất cam kết thấp, đều là 0% từ năm 2022 trở đi.

Trường hợp thực hiện theo cam kết tại VN-EAEU FTA, có 8/10 các mặt hàng thuốc lá nhóm 2404 sẽ duy trì mức thuế suất thấp tương quan với các mã hàng 2106.90.99 và 3824.99.99 (tức là 0%).

Về quan điểm phân loại: Theo công văn số 7143/TB-TCHQ ngày 06/11/2020 của Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) thông báo về kết quả phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu, các mặt hàng là chế phẩm dạng lỏng dùng cho thuốc lá điện tử với thành phần gồm hỗn hợp các chất thơm (Ethyl) và nicotine được phân loại vào nhóm 2403 (Phụ lục của công văn số 7143/TB-TCHQ liệt kê cụ thể mô tả đối với 8 loại hàng hóa, và đều thuộc phân loại của mã hàng 2403.99.90). Như vậy, những mặt hàng là chế phẩm dạng lỏng dùng cho thuốc lá điện tử với thành phần gồm hỗn hợp các chất thơm (Ethyl) và nicotine được phân loại ở chương 24, thay vì phân loại theo nhóm hóa chất có thuế suất thấp của các mã 2106.90.99 và 3824.99.99 (Thông báo đính kèm).

Do đây là mặt hàng nhạy cảm, Bộ Tài chính trình Chính phủ xử lý theo hướng các mã hàng thuốc lá nhóm 2404 theo AHTN 2022 có tương quan với mã 2106.90.99 và 3824.99.99 (8 mã) theo AHTN 2017 sẽ áp dụng chính sách thuế

nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo cam kết của mã hàng 2403.99.90 theo AHTN 2017.

Cơ sở đề xuất như trên với Hiệp định VN-EAEU FTA là việc Hiệp định này chưa có cơ chế chính thức về việc rà soát và thống nhất chuyển đổi trước khi ban hành nội luật, do đó, việc ban hành Nghị định trong giai đoạn này có thể áp dụng phương án như trên đối với nhóm 2404, mặc dù vẫn có rủi ro phía EU yêu cầu tham vấn và đề nghị thực hiện nguyên tắc không xói mòn cam kết tại Hiệp định.

Trường hợp có vướng mắc trong thực thi sau này tại Ủy ban thực thi, các đối thoại sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo vệ quan điểm thống nhất của Việt Nam đối với phân loại mặt hàng này cũng như dựa trên ý nghĩa pháp lý của bảng tương quan (chỉ mang tính chất tham khảo trong chuyển đổi cam kết thuế).

Xét về kim ngạch nhập khẩu, không phát sinh kim ngạch hoặc có kim ngạch không đáng kể từ EAEU đối với các mặt hàng Chương 24 cũng như các mặt hàng thuộc mã thuộc mã 2106.90.99 và 3824.99.99 (chỉ duy nhất có 1 dòng 2403.19.20 có kim ngạch nhập khẩu xấp xỉ 263 nghìn USD năm 2021; tuy nhiên dòng hàng này vốn đã Không cam kết tại Hiệp định và không có thay đổi về tương quan mã hàng cũng như mô tả mặt hàng tại AHTN 2022). Do đó, khả năng bạn có ý kiến đối với việc thực hiện cam kết với mặt hàng này là thấp.